CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Phát triển Đô thị

Ngày 31/03/2025	8,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**1.2%**	**-3.4%**

DT thuần
Q1/25
4.24
tỷ VNĐ
QoQ: ▼18.7| -81.5%
YoY: ▼0.73| -14.6%

LN thuần
Q1/25
-0.89
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.12| -172%
YoY: ▼2.27| -164%

LN sau thuế
Q1/25
-1.19
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.14| -225%
YoY: ▼2.26| -211%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
-28.0%
YoY: +/-▼ 33.3%

ROE (TTM)
Q1/25
1.9%
YoY: +/-▼ 1.0%

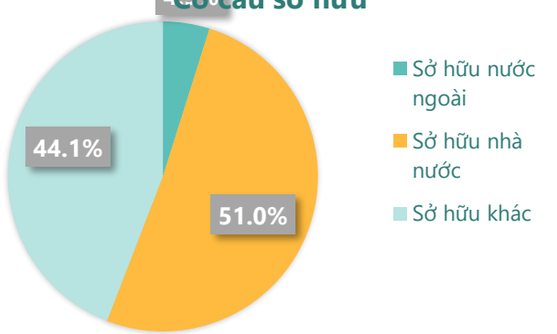
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,200 - 9,362
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	142
Số lượng CPLH (CP)	16,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	47,820
Sở hữu nước ngoài	4.9%
Beta	
EPS	274
P/E	31.4

DT thuần
2024
42.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼41.1| -49.0%

LN thuần
2024
8.68
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.82| -53.0%

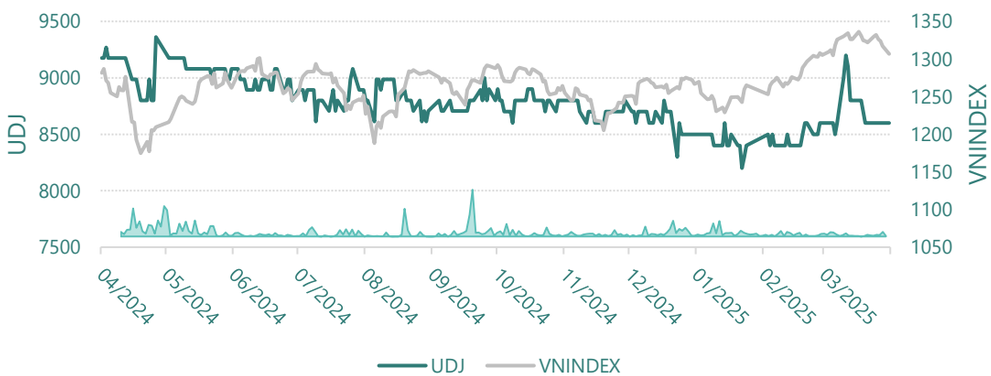
LN sau thuế
2024
6.78
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.82| -53.6%

Cơ cấu sở hữu

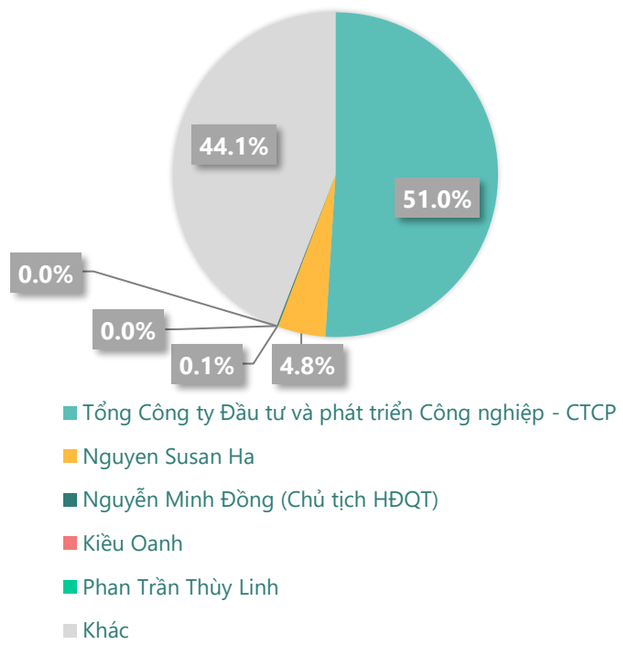


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



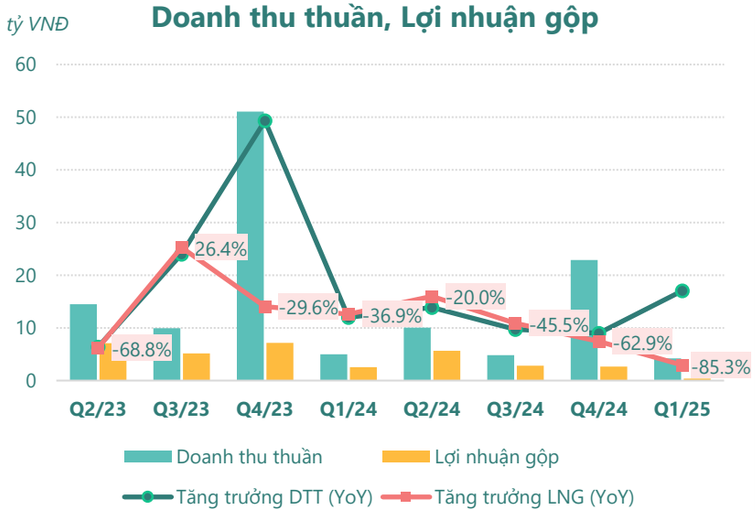
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

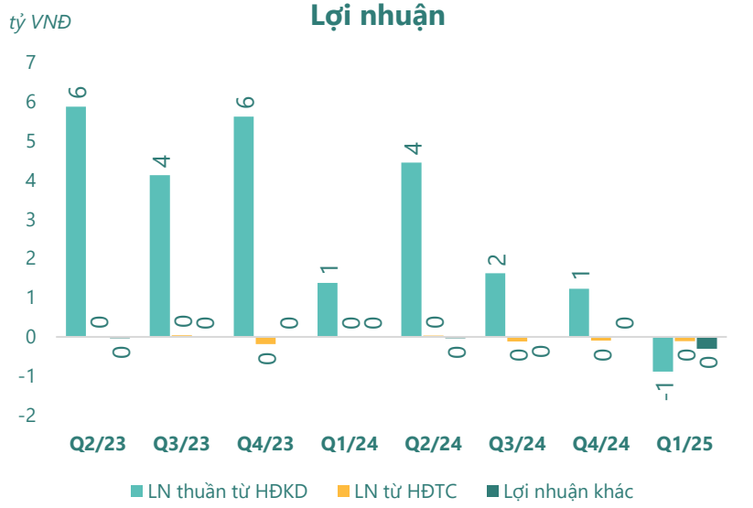
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



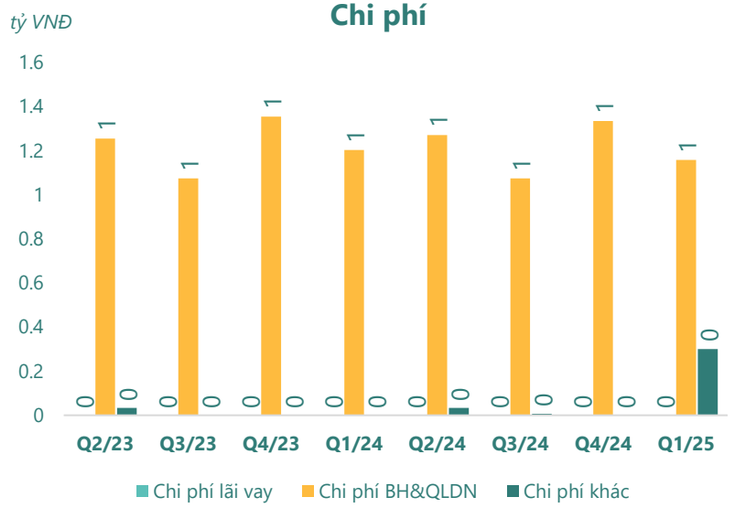
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



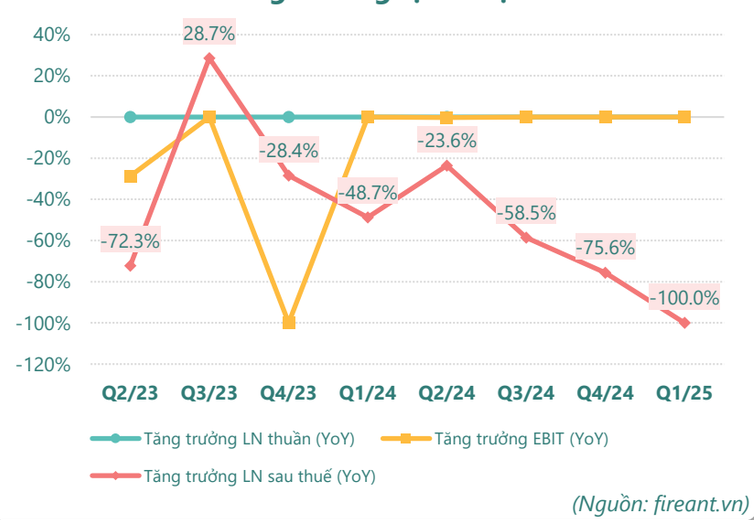
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



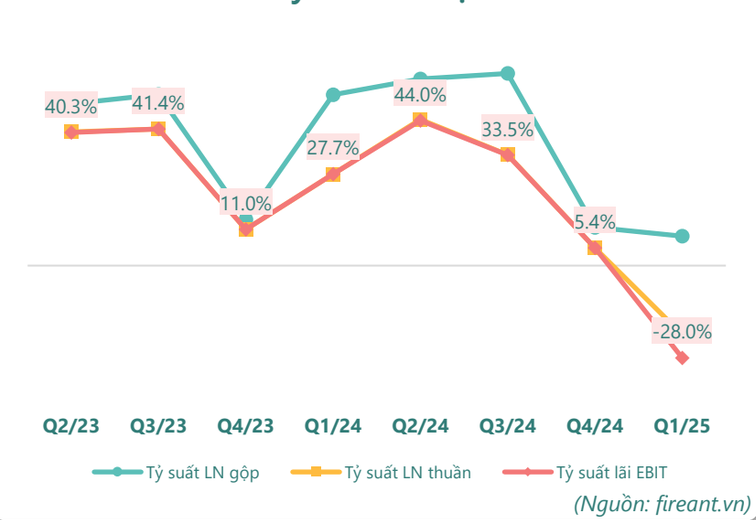
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



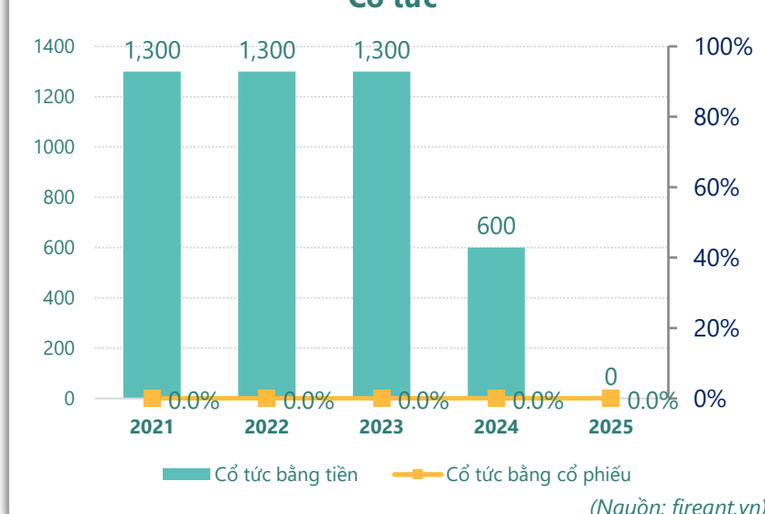
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

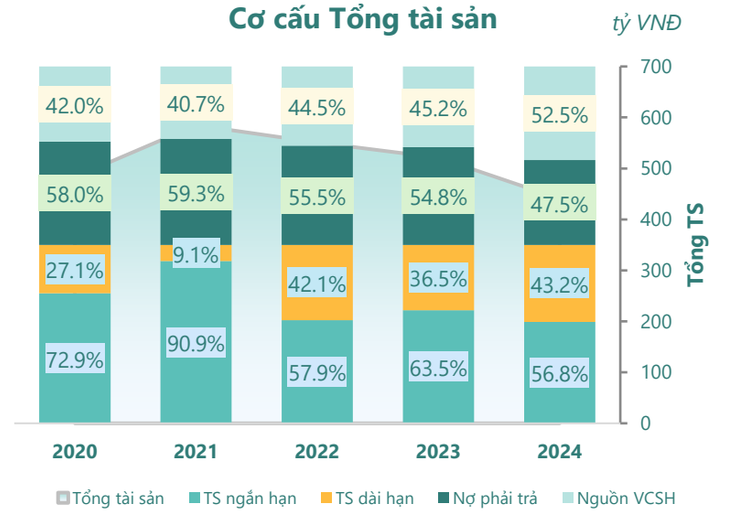
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

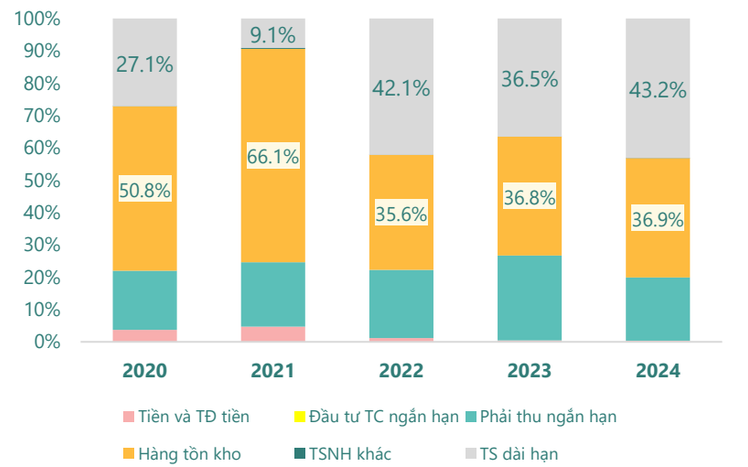
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



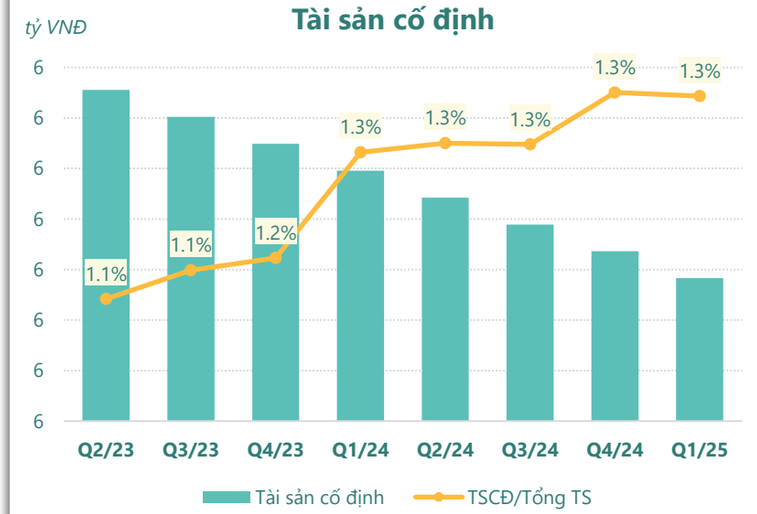
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



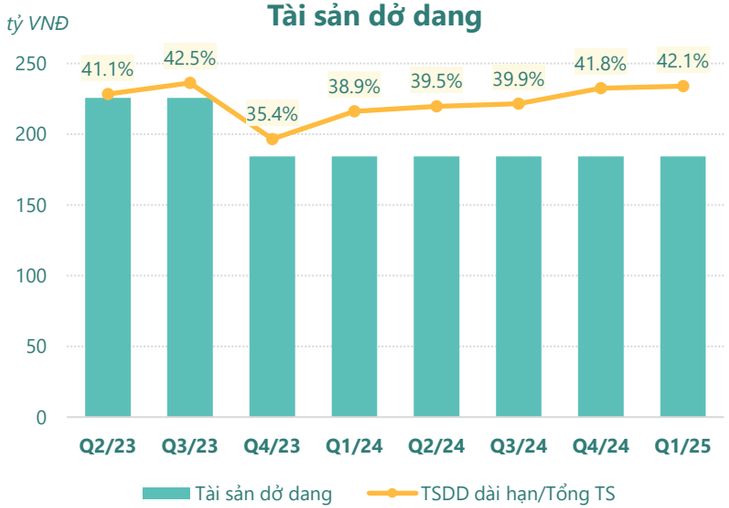
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



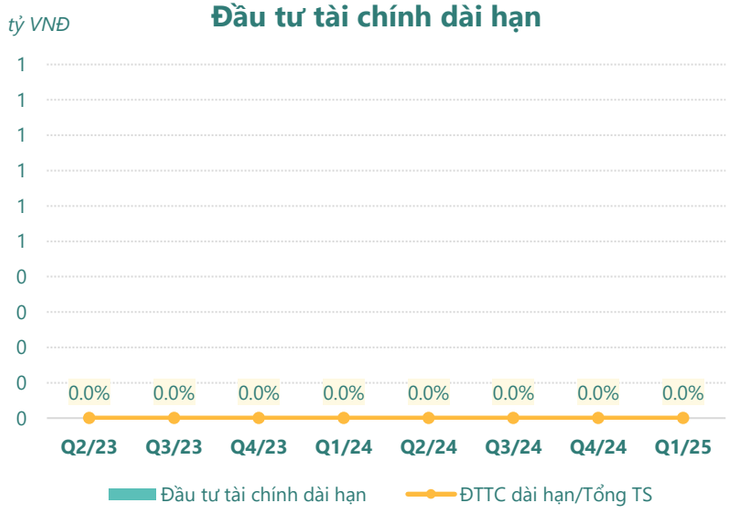
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



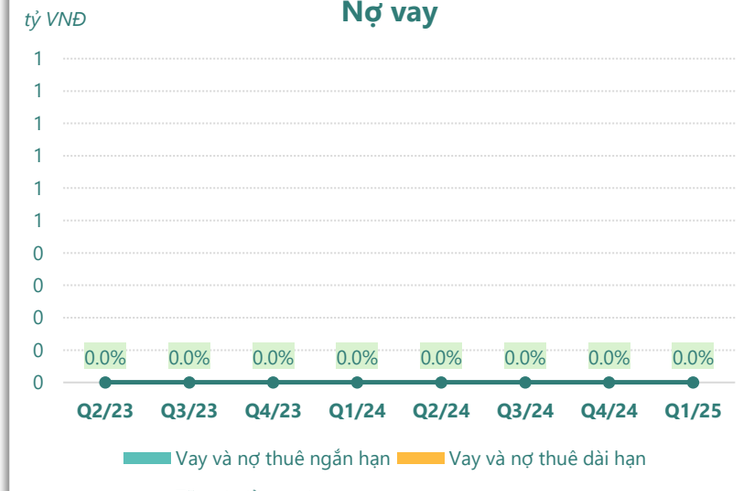
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

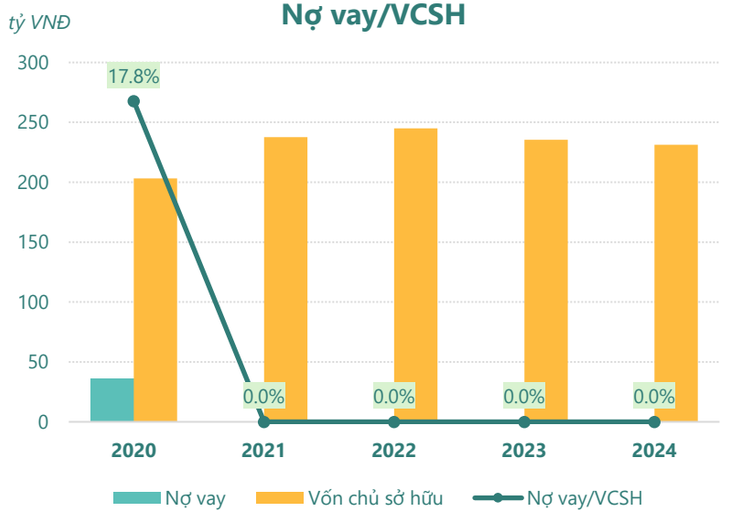
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

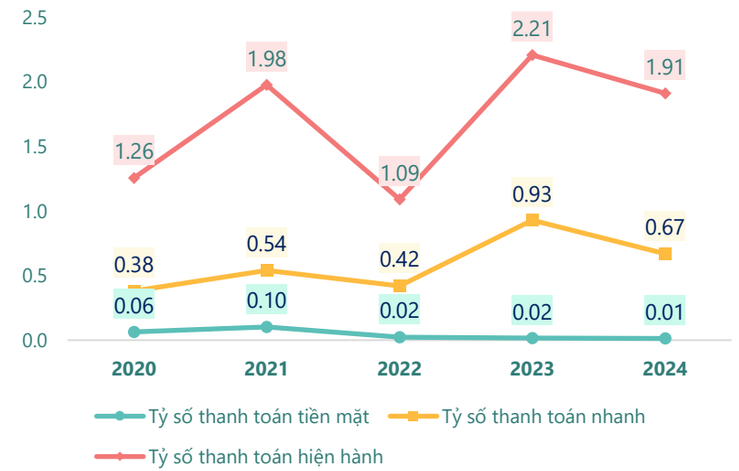
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



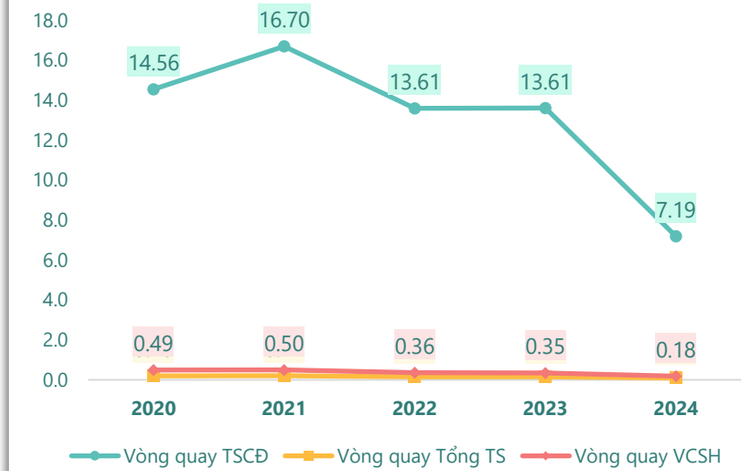
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



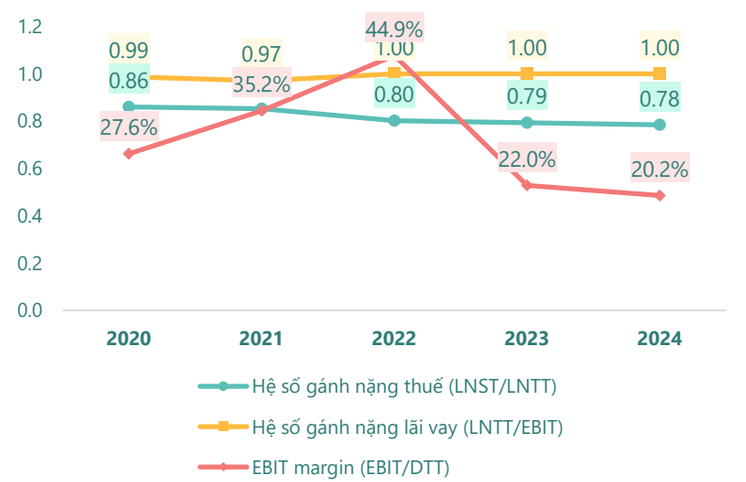
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



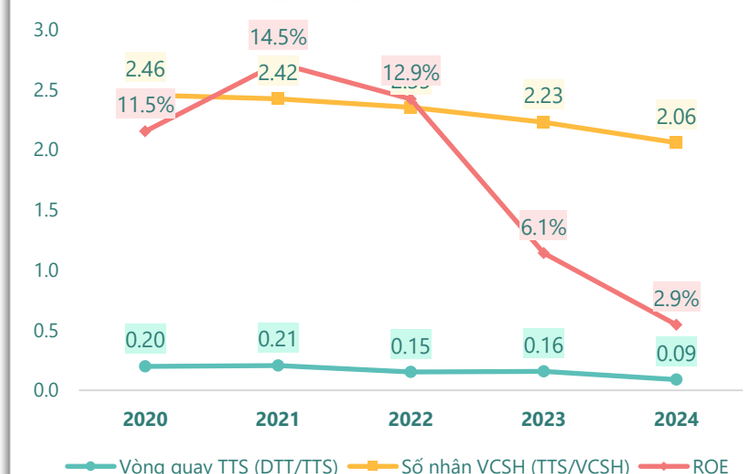
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



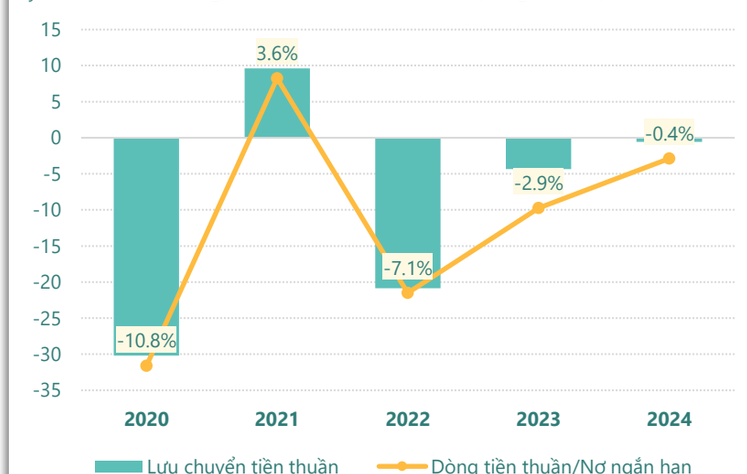
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**4.24**	**4.97**	**-14.6%**	**42.7**	**83.8**	**-49.0%**
Giá vốn hàng bán	3.86	2.40	61.0%	29.0	60.3	-51.9%
Lợi nhuận gộp	0.38	2.57	-85.3%	13.7	23.5	-41.6%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.01	-95.7%	0.08	0.10	-14.1%
Chi phí TC	0.11	0.00		0.25	0.19	32.1%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.16**	**1.20**	**-3.5%**	**4.88**	**4.96**	**-1.5%**
LN thuần từ HĐKD	-0.89	1.38	-164%	8.68	18.5	-53.0%
Lợi nhuận khác	**-0.30**	**0.00**		**-0.04**	**-0.03**	**-19.9%**
LN trước thuế	-1.19	1.38	-186%	8.64	18.4	-53.1%
Lợi nhuận sau thuế	**-1.19**	**1.07**	**-211%**	**6.78**	**14.6**	**-53.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-1.19**	**1.07**	**-211%**	**6.78**	**14.6**	**-53.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.58	5.78	9.60	-0.97	1.00	-0.37
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	0.01	0.02	0.04	0.01	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-10.2	-0.07	-11.0	-0.28	-4.69	-0.04
Tiền đầu kỳ	14.0	2.27	7.98	6.58	5.38	1.70
Lưu chuyển tiền thuần	**-11.8**	**5.71**	**-1.40**	**-1.21**	**-3.68**	**-0.41**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.27	7.98	6.58	5.38	1.70	1.29

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**438**	**440**	**-0.6%**
Tài sản ngắn hạn	247	250	-1.1%
Tiền và tương đương tiền	1.29	1.70	-23.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	86.1	85.9	0.3%
Hàng tồn kho	159	163	-2.4%
Tài sản ngắn hạn khác	1.31	0.04	2905%
Tài sản dài hạn	**190**	**190**	**0.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	5.78	5.84	-0.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	184	184	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.01**	**0.01**	**-17.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	207	209	-0.8%
Nợ ngắn hạn	**129**	**131**	**-1.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	84.1	84.1	0.0%
Nợ dài hạn	78.3	78.3	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**230**	**231**	**-0.5%**
Vốn chủ sở hữu	**230**	**231**	**-0.5%**
Vốn điều lệ	165	165	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)